

Kinh Đại Phật Đảnh Cứu Cánh Kiên Cố và Mật Nhân của Như Lai về Chư Bồ-tát Vạn Hạnh để Tu Chứng Liễu Nghĩa ♦ Quyển 7

Này Khánh Hỷ! Ông đã hỏi về phương pháp nhiếp tâm và Ta cũng vừa thuyết giảng về diệu môn tu học để vào chánh định. Những ai cầu Đạo Bồ-tát thì trước tiên phải thọ trì bốn điều luật nghi này. Đây ví như giọt sương đóng băng trên cây thì tự nhiên không một cành lá nào có thể nảy nở. Cũng vậy, khi giới hạnh trong sáng thì ba nghiệp ác từ tâm ý và bốn nghiệp ác từ lời nói sẽ không thể có nhân để sanh khởi.

Này Khánh Hỷ! Nếu ai chẳng đánh mất bốn điều luật nghi này, thì tâm của họ còn chẳng duyên nơi sắc thanh hương vị xúc pháp. Hà huống tất cả việc ma làm sao mà có thể phát sanh chứ? Còn những ai có tập khí từ nhiều đời và chẳng thể diệt trừ thì ông dạy họ hãy nhất tâm tụng Phật Đảnh Quang Minh - Đại Bạch Tản Cái - Vô Thượng Thần Chú của Ta. Ở trên tướng vô kiến đảnh của Như Lai có Đức Phật hiện ra từ nơi tâm vô vi. Hóa Phật ngồi trên tòa hoa sen báu ở trên đỉnh đầu của Ta và đã tuyên thuyết thần chú này.

Từ nhiều kiếp về trước, ông cùng với cô con gái của bộ tộc Mātanga đã có nhân duyên sâu đậm, và tập khí của ái ân đó chẳng phải chỉ một đời hay một kiếp. Nhưng khi vừa nghe Ta tuyên dương giáo Pháp chỉ một lần, cô ấy đã vĩnh viễn thoát khỏi tâm si ái và trở thành bậc Ứng Chân.

Trước kia cô ta là một dâm nữ và chưa từng khởi tâm tu hành, nhưng do năng lực âm thầm của thần chú mà còn mau chứng quả vị Vô Học. Hà huống Thanh Văn các ông ở chúng hội nơi đây đã phát tâm cầu Tội Thượng Thừa và quyết định thành Phật. Đây ví như việc tung bụi thuận chiều gió thì làm sao có gian nan hay hiểm trở chứ?

Nếu có ai muốn ngồi Đạo Tràng ở vào thời Mạt Pháp, trước tiên họ cần thọ trì giới cấm thanh tịnh của Bhikṣu, rồi phải tìm một vị Đạo Nhân với giới hạnh thanh tịnh đệ nhất để làm thầy của họ. Giả như họ không gặp được vị chân Tăng thanh tịnh để truyền giới luật uy nghi thì tất sẽ chẳng thành tựu. Sau khi đã thọ giới, họ hãy mặc áo sạch thanh khiết, rồi thắp hương ở nơi vắng vẻ, và tụng 108 biến thần chú được tuyên thuyết bởi Đức Phật hiện ra từ nơi tâm của Như Lai. Sau đó họ hãy kết giới để kiến lập Đạo Tràng, và thỉnh cầu vô thượng Như Lai hiện đang trụ ở các quốc độ khắp mười phương hãy phóng ánh sáng từ bi để rót vào đỉnh đầu của họ.

Này Khánh Hỷ! Những vị Bhikṣu thanh tịnh, hoặc Bhikṣunī, cư sĩ bạch y, và các thí chủ nào ở vào thời Mạt Pháp mà thọ trì tịnh giới của Phật và đã diệt trừ lòng tham cùng tâm dâm dục, thì nên phát nguyện Bồ-tát ở trong Đạo Tràng. Nếu họ có thể tắm gội trước khi vào Đạo Tràng, ngày đêm sáu thời hành Đạo, và tu hành không ngủ nghỉ như thế cho đến 21 ngày, thì Ta sẽ tự hiện thân ở trước người ấy, xoa đánh an ủi, và giúp họ khai ngộ."

Ngài Khánh Hỷ bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn! Nhờ lời dạy từ bi vô thượng của Như Lai mà tâm con

đã khai ngộ. Con tự biết làm sao để tu chứng thành Đạo của bậc Vô Học. Giả sử những hành giả nào ở vào thời Mạt Pháp muốn kiến lập Đạo Tràn, thì họ phải làm sao kết giới để khế hợp với quy tắc thanh tịnh của chư Phật Thế Tôn?"

Phật bảo ngài Khánh Hỷ:

"Nếu có ai ở vào thời Mạt Pháp muốn kiến lập Đạo Tràn, trước tiên họ hãy tìm được con trâu đại lực màu trắng sống ở vùng núi Tuyết. Giống trâu này ăn cỏ mượt thơm ngát ở trên núi và chỉ uống nước thanh khiết của vùng núi Tuyết nên phân của nó rất sạch sẽ. Họ hãy lấy phân của nó và trộn với hương chiên đàn, rồi trát chúng lên đất. Nếu chẳng phải là giống trâu sống ở vùng núi Tuyết thì phân của nó sẽ hôi dơ và không thể dùng để trát lên đất.

Hoặc một cách khác là tìm chỗ có đất sét màu vàng ở vùng đồng bằng, rồi đào xuống đất năm thước và lấy đất sét từ nơi ấy. Sau đó hãy trộn nó với với hương chiên đàn, hương trầm thủy, hương tô hợp, hương huân lục, hương uất kim, hương bạch giao, hương thanh mộc, hương linh lăng, hương cam tùng, và hương kê thiệt. Họ hãy nghiền nguyên liệu của mười loại hương này thành bột và trộn với đất sét, rồi trát chúng trên đất ở Đạo Tràn. Pháp đàn này có tám góc vuông vức và rộng một trượng sáu.

Ở chính giữa Pháp đàn hãy an trí một hoa sen làm bằng vàng, bạc, đồng, hay gỗ. Ở giữa hoa sen hãy đặt một bát nước sương đầy được hứng lấy vào tháng Tám và hãy rải những cánh hoa vào trong đó. Hãy lấy 8 tấm gương hình tròn, rồi an trí mỗi cái ở mỗi hướng xung quanh

hoa sen và bát nước, với mặt gương xoay ra ngoài. Kế đến hãy an trí 16 hoa sen và 16 lư hương ở trước những tấm gương. Ở giữa các lư hương hãy trang nghiêm với hoa sen xen kẽ. Trong các lư hương chỉ đốt toàn loại hương trầm thủy và chớ để chúng bốc lửa.

Hành giả hãy lấy sữa của con bò màu trắng, rồi bỏ vào trong 16 cái bình để chuẩn bị làm các loại thức ăn, gồm có: bánh nướng, bánh đường, bánh dầu, cháo sữa, hương tô hộp, mật với gừng, bơ tinh chế, và mật ong nguyên chất; mỗi thứ 16 phần. Sau khi xong, hãy đặt một phần từ mỗi loại thức ăn ở trước 16 hoa sen để dâng lên chư Phật và các vị đại Bồ-tát.

Ở mỗi bữa ăn và giữa khuya, hành giả hãy lấy nửa thặng mật ong và hòa nó ba lần với bơ tinh chế. Ở trước Pháp đàn hãy an trí một bếp lò nhỏ với than. Hãy lấy hương bạch mao bỏ vào trong nước [để nấu ở một nơi khác trước đó] và rưới nước hương này vào than, rồi đốt than cháy hừng hực. Sau đó hãy rải bơ trộn với mật ong lên ngọn lửa ở bếp lò. Hãy đốt như thế cho đến khi hết bơ và mật ong để cúng dường chư Phật và Bồ-tát.

Ở bên ngoài của tịnh thất làm Pháp đàn, hãy treo tràng phan và hoa ở khắp nơi. Ở bên trong trên bốn bức tường của tịnh thất, hành giả hãy treo các hình tượng của mười phương Như Lai và chư Bồ-tát. Ở chính giữa bức tường xoay về hướng nam, hãy treo hình tượng của Đức Phật Biến Chiếu, Đức Phật Năng Nhân, Từ Thị Bồ-tát, Đức Phật Bất Động, và Đức Phật Vô Lượng Thọ. Còn ở bức tường bên trái và phải, hãy an trí một hình tượng đại biến hóa của Quán Thế Âm Bồ-tát và một hình tượng của Kim Cang Tạng Bồ-tát. Ở hai bên trái và phải của cánh cửa,

hãy an trí hình tượng của Năng Thiên Đế, Phạm Vương, Hỏa Đầu Kim Cang, Thanh Diện Kim Cang, Giải Oán Kết Kim Cang, Thiên nữ Sân Mục, Tứ Đại Thiên Vương, và chướng ngại thần.

Lại nữa, hãy lấy tám tấm gương khác treo từ trên trần nhà và làm cho chúng đối diện với tám tấm gương hình tròn đã an trí trong đàn tràng. Các tấm gương sẽ phản chiếu với nhau trùng trùng.

Bảy ngày đầu tiên, hành giả hãy chí thành đánh lễ danh hiệu của mười phương Như Lai, chư đại Bồ-tát, và các vị Ứng Chân. Trong sáu thời, hành giả đi vòng quanh Pháp đàn và tụng chú liên tục. Hãy chí tâm hành Đạo như thế và tụng chú 108 biến.

Bảy ngày kế tiếp, hành giả hãy nhất hướng chuyên tâm phát nguyện Bồ-tát và chớ để tâm bị gián đoạn. Trước đây ở trong luật tạng, Ta đã có dạy phương pháp phát nguyện.

Bảy ngày sau cùng, hành giả nhất tâm tụng trì Đại Bạch Tản Cái Thần Chú của Phật suốt 12 thời. Vào ngày cuối cùng, mười phương Như Lai sẽ đồng thời xuất hiện. Chư Phật và quang minh sẽ phản chiếu trong gương, rồi chư Phật sẽ lấy tay xoa đỉnh đầu của hành giả. Ngay lúc ấy, những ai mà có thể tu hành chánh định trong Đạo Tràng ở vào thời Mật Pháp như thế, thân tâm của họ sẽ trong sáng như lưu ly.

Này Khánh Hỷ! Nếu bốn sư truyền giới cho vị Bhikṣu này hoặc có ai trong nhóm của mười vị Bhikṣu mà chẳng thanh tịnh, thì phần lớn sự tu hành ở trong Đạo Tràng như thế sẽ không thành tựu.

Sau 21 ngày, hành giả hãy ngồi ngay thẳng và an nhiên cho đến 100 ngày. Những ai với căn lành sâu dày, họ sẽ không đứng dậy suốt thời gian đó và sẽ đắc Quả Nhập Lưu. Cho dù ở trong thân và tâm của người ấy chưa thành tựu thánh Quả, nhưng họ nhất định tự biết sẽ thành Phật.

Ông hỏi làm sao kiến lập Đạo Tràng, thì đây chính là phương pháp."

Lúc ấy ngài Khánh Hỷ đánh lễ với trán chạm sát chân của Phật, rồi thưa với Phật rằng:

"Kể từ khi xuất gia, con đã ỷ lại vào sự thương mến của Đức Phật. Bởi con chỉ cầu đa văn nên chưa chứng vô vi. Do đó con bị tà thuật của Phạm Thiên cấm chế. Mặc dù tâm vẫn sáng suốt nhưng lực chẳng được tự do. May nhờ có Diệu Cát Tường Bồ-tát đến giải cứu nên con mới thoát khỏi. Tuy nhờ thần lực vô hình từ thần chú tuyên thuyết bởi hóa Phật ở trên đỉnh đầu của Như Lai, nhưng con vẫn chưa đích thân được nghe. Kính mong Như Lai với lòng đại từ bi hãy tuyên thuyết thêm một lần nữa để cứu hộ những vị tu hành trong chúng hội này, và cũng như các chúng sanh luân hồi vào thời Mạt Pháp tương lai. Do nương vào mật âm của thần chú mà thân tâm của họ sẽ được giải thoát."

Khi ấy tất cả đại chúng trong chúng hội thấy đều đánh lễ và chờ đợi lắng nghe bí mật chương cú của Như Lai.

Lúc bấy giờ từ trên đỉnh nhục kế của Thế Tôn phóng ra ánh sáng trăm báu, rồi từ trong ánh sáng đó vọt ra một hoa sen ngàn cánh. Trên hoa báu có một hóa Như Lai đang ngồi và từ trên đỉnh đầu của Đức Phật đó phóng ra mười luồng ánh sáng trăm báu. Mỗi luồng ánh sáng đều hiện ra khắp các vị Kim Cang Mật Tích nhiều như số cát của mười sông Hằng. Có vị vác núi hoặc có vị cầm chày, và các ngài đứng đầy cõi giới hư không. Khi nhìn lên, đại chúng vừa mừng vừa sợ và mong Đức Phật thương xót. Họ nhất tâm lắng nghe hóa Phật được vọt ra từ ánh sáng phóng ra ở trên tướng vô kiến đánh của Như Lai, tuyên thuyết thần chú rằng:

| | nam mác, ta tha ga ta da, su ga ta da, a ra ha
te, sam dắc - sam bu đa da

| nam mác, ta tha ga ta - bu đa - cô ti - u sờ ni
sâm

| nam mác, sa qua - bu đa - bô đi - sách toe bi a
ha

| nam mác, sáp ta nâm, sam dắc - sâm bu đa - cô
ti nâm, sa - sờ ra qua ca - sâm ga nâm

| nam mô, lô ke, a ra hân ta nâm

| nam mác, sò rô ta ban na nâm

| nam mác, sác ri đa ga min nâm

| nam mô, lô ke, sam dắc - ga ta nâm, sam dắc -
bờ ra ti ban na nâm

| nam mô, đê va si nâm

| nam mác, si đi a, vi đi a - đa ra - ri si nâm,
sa ba - a nu - gờ ra ha - sa ha - sa ma tha nâm

| nam mô, bờ ra ma ne

| nam ma, in đờ ra da

| nam mô, ba ga qua te, ru đờ ra da, u ma - ba ti
- sa ha da da

| nam mô, ba ga qua te, na ra da na da, banh cha
- ma ha - mu đờ ra - nam mác - cờ ri ta da

| nam mô, ba ga qua te, ma ha - ca la da, tri bu
ra - na ga ra - vi đờ ra - a ba na - ca ra da, a
đi - múc ti - sò ma sa na - ni qua si ni, ma tri
- ga na - nam mác - cờ ri ta da

| nam mô, ba ga qua te, ta tha ga ta, cu la da

| nam ma ha, bách ma - cu la da

| nam mô, va chờ ra - cu la da

| nam mô, ma ni - cu la da

| nam mô, ga cha - cu la da

| nam mô, ba ga qua te, đờ ri đờ - su ra - se na
- bờ ra - ha ra na - ra cha da, ta tha ga ta da,
a ra ha te, sam dắc - sam bu đờ da

| nam mô, ba ga qua te, nam mô, a mi ta ba da, ta
tha ga ta da, a ra ha te, sam dắc - sam bu đờ da

| nam mô, ba ga qua te, át sô bi da da, ta tha ga
ta da, a ra ha te, sam dắc - sam bu đờ da

| nam mô, ba ga qua te, bai sa cha - gu ru - vai
đờ ri a - bờ ra ba - ra cha da, ta tha ga ta da

| nam mô, ba ga qua te, sâm bu sờ bi ta - sa len
đờ ra - ra cha da, ta tha ga ta da, a ra ha te,
sam dắc - sam bu đờ da

| nam mô, ba ga qua te, sác ky a mu na de, ta tha
ga ta da, a ra ha te, sam dắc - sam bu đa da

| nam mô, ba ga qua te, rách na - ke tu - ra cha
da, ta tha ga ta da, a ra ha te, sam dắc - sam bu
đa da

| te bi ô, nam ma - sờ kiếp toa, i đâm, ba ga qua
ta, ta tha ga ta - u sờ ni sâm, si ta ta ba trâm,
nam mô, a ba ra chi tâm, bờ ra ty ân gi râm

| sa qua - bu ta - gờ ra ha - ni gờ ra ha ca - ca
ra - ha ni, ba ra - vi đi a

| che đa nim, a ca la - mơ ri ty u - ba ri - tra
đa na - ca rim

| sa qua - ban đa na - mốc sa nim

| sa qua - đu sờ ta - đu hu - sờ vấp na - ni qua
ra nim

| cha tu ra si ti nâm, gờ ra ha - sa ha sờ ra
nâm, vi đờ vâm sa na - ca rim

| a sờ ta - vim sa ti nâm, na cờ sa tra nâm, bờ
ra - sa đa na - ca rim

| a sò ta nâm, ma ha - gờ ra ha nâm, vi đờ vâm sa
na - ca rim

| sa qua - sa tru - ni qua ra nâm

| gô râm, đu hu - sò vấp nâm, cha, na sa nim

| vi sa - sa sò tra - át ni - u đa ca - ra nâm

| a ba ra chi ta - gô ra, ma ha - ba la - chân
đa, ma ha - đíp ta, ma ha - te cha, ma ha - sò
que ta - chờ qua la, ma ha - ba la, ban đa ra -
qua si ni, a ri a - ta ra, bờ rị cu tim, che, va,
vi cha da

| va chờ ra - ma le ti hi, vi - sò ru ta - bách
ma ca ha, va chờ ra - chi vác, cha, ma la, che,
va, a ba ra chi ta - va chờ ra - đan đa ha, vi sa
la, cha, san ta, sò que te qua, bu chi ta, sau ma
- ru ba

| ma ha - sò que ta - a ri a - ta ra, ma ha - ba
la - a ba ra

| va chờ ra - sâm ca la, che, va, va chờ ra - câu
ma ri, cu lâm - đa ri

| va chò ra - hách ta, cha, vi đi a

| canh cha na - ma li ca ha, cu sum ba ca - rách
na ha

| vai rô cha na - cu li da da, a tha - u sò ni sa
ha

| vi - chò rim ba - ma ni, cha, va chò ra - ca na
ca - bờ ra ba - lô cha na

| va chò ra - tun đi, cha, sò que ta, cha, ca ma
la - a cò sa, sa si - bờ ra ba

| i ty - i ti - mu đờ ra - ga na, sa que, ra cò
sâm, cơ van tu, i man, ma ma - a sy a ||

|| ôm, ri si - ga na - bờ ra - sa sò ta, ta tha
ga ta - u sò ni sâm

| hùm, trùm, cham ba ha, hùm, trùm, sò tam ba na

| hùm, trùm, ba ra - vi đi a - sâm - ba cò sa na
- ca ra

| hùm, trùm, sa qua - dắc sa - rất sa sà - gờ ra
ha nâm, vi đờ vâm sa na - ca ra

| hùm, trùm, cha tu ra si ti nâm, gờ ra ha - sa
ha sờ ra nâm, vi đờ vâm sa na - ca ra

| hùm, trùm, rất sa, rất sa, mâm

| ba ga quâm, ta tha ga ta - u sờ ni sâm

| bờ ra ty ân gi re, ma ha - sa ha sờ ra - bu
che, sa ha sờ ra - si rờ se, cô ti - sa ha sờ ra
- ne tre

| a be đe, chờ qua li ta - a ta ta ca, ma ha - va
chờ ra - u đa ra - tri - bu qua na - man đa la

| ôm, sờ qua sơ ti, ba qua tu, ma ma, i man, ma
ma - a sy a ||

|| ra cha - bậy da,

| chô ra - bậy da,

| át ni - bậy da,

| u đa ca - bậy da,

| vi sa - bậy da,
| sa sò tra - bậy da,
| ba ra chắt cò ra - bậy da,
| đũa - bíc sa - bậy da,
| a sa ni - bậy da,
| a ca la - mơ ri ty u - bậy da,
| đũa ra ni - bu mi - cam ba ca - ba ta - bậy da,
| u ca - ba ta - bậy da,
| ra cha - đan đũa - bậy da,
| na ga - bậy da,
| vi đi u - bậy da,
| su ba na - bậy da

| dắc sa - gờ ra ha,
| rất sa si - gờ ra ha,
| bờ re ta - gờ ra ha,
| bi sa cha - gờ ra ha,
| bu ta - gờ ra ha,
| cum ban đũa - gờ ra ha,
| bu ta na - gờ ra ha,
| ca ta bu ta na - gờ ra ha,
| sò canh đũa - gờ ra ha,
| a ba - sò ma ra - gờ ra ha,
| un ma đũa - gờ ra ha,
| cha đũa - gờ ra ha,
| re va ti - gờ ra ha

| cha ta - a ha ri nâm,
| ga ba - a ha ri nâm,
| ru đi ra - a ha ri nâm,
| mâm sa - a ha ri nâm,
| me đa - a ha ri nâm,
| ma cha - a ha ri nâm,
| cha ta - a ha ri nim,
| chi vi ta - a ha ri nâm,
| bi ta - a ha ri nâm,
| van ta - a ha ri nâm,
| a su chi a - a ha ri nim,
| chít ta - a ha ri nim

| te sâm, sa que sâm, sa qua - gờ ra ha nâm, vi
đi âm, che đa da mi, ki la da mi

| ba ri - vờ ra cha ca - cờ ri tâm, vi đi âm, che
đa da mi, ki la da mi

| đa ki ni - cờ ri tâm, vi đi âm, che đa da mi,
ki la da mi

| ma ha - ba su ba ti - ru đờ ra - cờ ri tâm, vi
đi âm, che đa da mi, ki la da mi

| na ra da na - cò ri tâm, vi đi âm, che đa da
mi, ki la da mi

| tách qua - ga ru đa - cò ri tâm, vi đi âm, che
đa da mi, ki la da mi

| ma ha - ca la - ma tri - ga na - cò ri tâm, vi
đi âm, che đa da mi, ki la da mi

| ca ba li ca - cò ri tâm, vi đi âm, che đa da
mi, ki la da mi

| cha da - ca ra - ma đu - ca ra - sa qua - a tha
- sa đa ca - cò ri tâm, vi đi âm, che đa da mi,
ki la da mi

| cha tua - ba gi ni - cò ri tâm, vi đi âm, che
đa da mi, ki la da mi

| bơ rin gi - ri ti - nan đi ke sờ qua ra - ga na
- ba ti - sa ha da - cò ri tâm, vi đi âm, che đa
da mi, ki la da mi

| nát na - sờ ra ma na - cò ri tâm, vi đi âm, che
đa da mi, ki la da mi

| a ra hân ta - cò ri tâm, vi đi âm, che đa da

mi, ki la da mi

| vi ta - ra ga - cò ri tâm, vi đi âm, che đa da
mi, ki la da mi

| va chờ ra - ba ni - gu hy a - gu hy a ca - a đi
ba ti - cò ri tâm, vi đi âm, che đa da mi, ki la
da mi

| rất sa, mâm, ba ga quanh, i man, ma ma - a sy a
||

|| ba ga quách, si ta ta ba tra, na mô, sò tu te

| a si ta - na la - a ca - bờ ra ba - sò phu ta -
vi - ca - si ta ta ba tre

| chờ qua la, chờ qua la, đa ra, đa ra, bi đa ra,
bi đa ra, chi đa, chi đa, hùm, hùm

| phạch, phạch, phạch, phạch, phạch, sò qua ha,
he he, phạch

| a mô ga da, phạch,

| a bờ ra ti ha ta, phạch,

| va ra bờ ra da, phạch,

| a su ra - vi đa ra ca, phạch

| sa qua - đe ve bi a ha, phạch,

| sa qua - na ghe bi a ha, phạch,

| sa qua - dắc se bi a ha, phạch,

| sa qua - ganh đa ve bi a ha, phạch

| sa qua - bu ta ne bi a ha, phạch,

| ca ta - bu ta ne bi a ha, phạch,

| sa qua - đu ra - lân ghi te bi a ha, phạch

| sa qua - đu sơ - bờ re si te bi a ha, phạch,

| sa qua - chờ qua re bi a ha, phạch,

| sa qua - a ba sờ ma re bi a ha, phạch

| sa qua - sờ ra ma ne bi a ha, phạch,

| sa qua - ti rơ thi ke bi a ha, phạch,

| sa qua - un ma đa ke bi a ha, phạch

| sa qua - vi đi a - ra cha - a cha ri e bi a ha,
phạch,

| cha da - ca ra - ma đu - ca ra - sa qua - a tha
- sa đa ke bi a ha, phạch

| vi đi a - a cha ri e bi a ha, phạch,

| cha tua - ba gi ni bi a ha, phạch,
| va chờ ra - câu ma ri - vi đi a - ra che bi a
ha, phạch

| ma ha - bờ ra ty - ân gi re bi a ha, phạch,
| va chờ ra - sâm ca la da, bờ ra ty - ân gi ra -
ra cha da, phạch

| ma ha - ca la da, ma ha - ma tri - ga na - nam
mác - cờ ri ta da, phạch,
| vi sờ na ve, phạch,
| bờ ra ma ni de, phạch,
| át ni de, phạch

| ma ha, ca li de, phạch,
| ca la - đan đi de, phạch,
| ma tre, phạch,
| rau đờ ri de, phạch,
| cha mun đi de, phạch,
| ca la - ra tri de, phạch,
| ca ba li de, phạch,
| a đi - múc ta ca - sờ ma sa na - va si ni de,
phạch

| de ke, chít ta, sách toa sy a, ma ma, i man, ma
ma - a sy a ||

| | đư sờ ta - chít ta,

| a mi tri - chít ta

| ô cha - a ha ra,

| ga ba - a ha ra,

| ru đi ra - a ha ra,

| qua sa - a ha ra,

| ma cha - a ha ra,

| cha ta - a ha ra,

| chi vi ta - a ha ra,

| ma ly a - a ha ra,

| ganh đả - a ha ra,

| bu sớ ba - a ha ra,

| pha la - a ha ra,

| sa sy a - a ha ra

| ba ba - chít ta,

| đư sờ ta - chít ta,

| rau đờ ra - chít ta

| dắc sa - gờ ra ha,

| rấ sa sà - gờ ra ha,

| bờ re ta - gờ ra ha,

| bi sa cha - gờ ra ha,
| bu ta - gờ ra ha,
| cum ban đa - gờ ra ha,
| sờ canh đa - gờ ra ha,
| un ma đa - gờ ra ha,
| cha da - gờ ra ha,
| a ba - sờ ma ra - gờ ra ha,
| đa ca - đa ki ni - gờ ra ha,
| re va ti - gờ ra ha,
| cha mi ca - gờ ra ha,
| sác cu ni - gờ ra ha,
| rau đờ ra - ma tri - nan đi ca - gờ ra ha,
| a lam ba - gờ ra ha,
| gách nu - can tha ba ni ni - gờ ra ha

| chờ qua ra, e ca hi ca, đờ vai ti da ca, trai
ti da ca, cha tua tha ca, ni ty a - chờ qua ra,
vi sa ma - chờ qua ra, qua ti ca ha, bai ti ca,
sờ lai sơ mi ca, sâm - ni ba ti ca, sa qua - chờ
qua ra, si rô sờ ri ti, qua đa - ba đa - a rô cha
ca

| át si - rô gâm,
| múc kha - rô gâm,
| hê ri - rô gâm,
| ga la - gờ ra hâm,

| ca na - su lâm,
| đản ta - su lâm,
| hê ri đa da - su lâm,
| ma man - su lâm,
| ba sò qua - su lâm,
| bờ ri sơ tha - su lâm,
| u đa ra - su lâm,
| ca ti - su lâm,
| va sơ ti - su lâm,
| u ru - su lâm,
| na kha - su lâm,
| ha sơ ta - su lâm,
| ba da - su lâm,
| sa qua - ân ga - bờ ra ty ân ga - su lâm

| bu ta - ve ta đa - đa ki ni - chờ qua ra, đa đờ
ru ca ha, can đư hu, ki ti ba, lu ta, vai sa ba,
lo ha - lin ga ha

| sa sơ tra - sâm - ga ra, vi sa - dô ga, át ne,
u đa ca, ma ra, vai ra, can ta ra, a ca la - mơ
ri ty ô

| tri - am bu ca, trai - la ta, vợ ri chi ca, sa
ba, na cu la, sim ha, vy a gờ ra, ri cờ sa, ta ra
cờ sa, ma ra, chi vi, te sâm, sa que sâm

| si ta ta ba tra - ma ha - va chò ra - u sò ni
sâm, ma ha - bờ ra ty - ân gi râm

| da qua - ðờ qua ða sa - ðô cha na - a bi - an
ta re na, si ma - ban ðâm, ca rô mi, vi ði a -
ban ðâm, ca rô mi, te chô - ban ðâm, ca rô mi, ba
ra - vi ði a - ban ðâm, ca rô mi

| ta ði a tha, ôm, a na le, vi sa ðe, vi ra - va
chò ra - ða re, ban ða, ban ða ni, va chò ra - ba
ni hi, phạch, hùm, trùm, phạch, sò qua ha ||

|| namas tathāgatāya sugatāya arhate samyak-
saṃbuddhāya | namas tathāgata-buddha-koṭy-uṣṇīṣaṃ
| namas sarva-buddha-bodhi-sattvebhyaḥ | namas
saptānāṃ samyak-saṃbuddha-koṭīnāṃ sa-śrāvaka-
saṃghānāṃ | namo loke arhantānāṃ | namas srota-
āpannānāṃ | namas sakṛdāgamīnāṃ | namo loke
samyag-gatānāṃ samyak-pratipannānāṃ | namo
devarṣīnāṃ | namas siddhyā vidyā-dhara-ṛṣīnāṃ
śāpa-anu-graha-saha-samarthānāṃ | namo brahmaṇe |
nama indrāya | namo bhagavate rudrāya umā-pati-
sahāyāya | namo bhagavate nārāyaṇāya pañca-mahā-
mudrā-namas-kṛtāya | namo bhagavate mahā-kālāya
tripura-nagara-vidrā-āpaṇa-kārāya adhi-mukti-

śmaśāna-nivāsini mātṛ-gaṇa-namas-kṛtāya | namo
bhagavate tathāgata-kulāya | namaḥ padma-kulāya |
namo vajra-kulāya | namo maṇi-kulāya | namo gaja-
kulāya | namo bhagavate dṛḍha-sūra-senā-pṛa-
haraṇa-rājāya tathāgatāya arhate samyak-
saṃbuddhāya | namo bhagavate namo'mitābhāya
tathāgatāya arhate samyak-saṃbuddhāya | namo
bhagavate'kṣobhyāya tathāgatāya arhate samyak-
saṃbuddhāya | namo bhagavate bhaiṣajya-guru-
vaiḍūrya-prabha-rājāya tathāgatāya | namo
bhagavate saṃpuṣpitā-sālendira-rājāya tathāgatāya
arhate samyak-saṃbuddhāya | namo bhagavate
śākyamunaye tathāgatāya arhate samyak-saṃbuddhāya
| namo bhagavate ratna-ketu-rājāya tathāgatāya
arhate samyak-saṃbuddhāya | tebhyo namas-kṛtvā
idaṃ bhagavatas tathāgata-uṣṇīṣaṃ sita-ātapatṛaṃ
namo'parājitaṃ pratyaṅgiraṃ | sarva-bhūta-graha-
nigrahaka-kara-haṇi para-vidyā | chedanīṃ akāla-
mṛtyu-pari-trāyaṇa-karīṃ | sarva-bandhana-
mokṣaṇīṃ | sarva-duṣṭa-duḥ-svapna-nivāraṇīṃ |
caturaśītīnāṃ graha-sahasrāṇāṃ vidhvaṃsana-karīṃ
| aṣṭa-viṃśatīnāṃ nakṣatrāṇāṃ pra-sādana-karīṃ |
aṣṭānāṃ mahā-grahāṇāṃ vidhvaṃsana-karīṃ | sarva-
śatru-nivāraṇaṃ | ghorāṃ duḥ-svapnāṃ ca nāśanīṃ |
viṣa-śastra-agni-udaka-raṇaṃ | aparājita-ghora
mahā-bala-caṇḍa mahā-dīpta mahā-teja mahā-śveta-

jvala mahā-bala pāṇḍara-vāsinī ārya-tārā bhṛ-
kuṭīm ce va vijaya | vajra-maletiḥ vi-śruta-
padmakaḥ vajra-jihvaś ca mālā ce va aparājitā-
vajra-daṇḍaḥ viśālā ca śānta śveteva pūjitā
sauma-rūpā | mahā-śvetā-ārya-tārā mahā-bala-apara
| vajra-saṅkalā ce va vajra-kaumārī kulaṃ-dharī |
vajra-hastā ca vidyā | kāñcana-mallikāḥ
kusumbhaka-ratnaḥ | vairocana-kulīyāya artha-
uṣṇīṣaḥ | vi-jṛmbha-mānī ca vajra-kanaka-prabha-
locanā | vajra-tuṇḍī ca śvetā ca kamala-akṣaś
śaśi-prabhā | ity-iti-mudrā-gaṇas sarve rakṣaṃ
kurvantu imān mama-asya ||

|| oṃ ṛṣi-gaṇa-pra-śastas tathāgata-uṣṇīṣaṃ | hūṃ
trūṃ jambhana hūṃ trūṃ stambhana | hūṃ trūṃ para-
vidyā-saṃ-bhakṣaṇa-kara | hūṃ trūṃ sarva-yakṣa-
rākṣasa-grahānāṃ vidhvaṃsana-kara | hūṃ trūṃ
caturaśītīnāṃ graha-sahasrānāṃ vidhvaṃsana-kara |
hūṃ trūṃ rakṣa rakṣa māṃ | bhagavāṃs tathāgata-
uṣṇīṣaṃ | pratyaṅgire mahā-sahasra-bhuje sahasra-
śīrṣe koṭi-sahasra-netre | abhede jvalita-ataṭaka
mahā-vajra-udāra-tri-bhuvana-maṇḍala | oṃ svastīr
bhavatu mama imān mama-asya ||

|| rāja-bhayāś cora-bhayā agni-bhayā udaka-bhayā
viṣa-bhayāḥ śastra-bhayāḥ paracakra-bhayā dur-

bhikṣa-bhayā aśani-bhayā akāla-mṛtyu-bhayā
dharāṇi-bhūmi-kampaka-pata-bhayā ulkā-pāta-bhayā
rāja-daṇḍa-bhayā nāga-bhayā vidyud-bhayās
suparṇa-bhayā | yakṣa-grahā rākṣasī-grahāḥ preta-
grahāḥ piśāca-grahā bhūta-grahāḥ kumbhāṇḍa-grahāḥ
pūtana-grahāḥ kaṭapūtana-grahās skanda-grahā 'pa-
smāra-grahā unmāda-grahās chāya-grahā revatī-
grahā | jāta-āhārīnaṃ garbha-āhārīnaṃ rudhira-
āhārīnaṃ māṃsa-āhārīnaṃ medha-āhārīnaṃ majja-
āhārīnaṃ jāta-āhārīnīm jīvita-āhārīnaṃ pīta-
āhārīnaṃ vānta-āhārīnaṃ aśucya-āhārīnīm citta-
āhārīnīm | teṣāṃ sarveṣāṃ sarva-grahānāṃ vidyāṃ
chedayāmi kīlayāmi | pari-vrājaka-kṛtaṃ vidyāṃ
chedayāmi kīlayāmi | ḍākinī-kṛtaṃ vidyāṃ
chedayāmi kīlayāmi | mahā-paśupati-rudra-kṛtaṃ
vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi | nārāyaṇa-kṛtaṃ vidyāṃ
chedayāmi kīlayāmi | tattva-garuḍa-kṛtaṃ vidyāṃ
chedayāmi kīlayāmi | mahā-kāla-mātṛ-gaṇa-kṛtaṃ
vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi | kāpālīka-kṛtaṃ vidyāṃ
chedayāmi kīlayāmi | jaya-kara-madhu-kara-sarva-
artha-sādhaka-kṛtaṃ vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi |
catur-bhaginī-kṛtaṃ vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi |
bhṛṅgi-riṭi-nandikeśvara-gaṇa-pati-sahāya-kṛtaṃ
vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi | nagna-śramaṇa-kṛtaṃ
vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi | arhanta-kṛtaṃ vidyāṃ
chedayāmi kīlayāmi | vīta-rāga-kṛtaṃ vidyāṃ

chedayāmi kīlayāmi | vajra-pāṇi-guhya-guhyaka-
adhipati-kṛtaṃ vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi | rakṣa
māṃ bhagavann imān mama-asya ||

|| bhagavat-sita-ātapatra-namo'stute | asita-
nala-arka-prabha-sphuṭa-vi-kas-sita-ātapatre |
jvala jvala dara dara bhidara bhidara chida chida
hūṃ hūṃ | phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ svāhā hehe
phaṭ | amoghāya phaṭ apratihata phaṭ vara-prada
phaṭ asura-vidāraka phaṭ | sarva-devebhyaḥ phaṭ
sarva-nāgebhyaḥ phaṭ sarva-yakṣebhyaḥ phaṭ sarva-
gandharvebhyaḥ phaṭ | sarva-pūtanebhyaḥ phaṭ
kaṭa-pūtanebhyaḥ phaṭ sarva-dur-laṅghitebhyaḥ
phaṭ | sarva-duṣ-prekṣitebhyaḥ phaṭ sarva-
jvarebhyaḥ phaṭ sarva-apasmārebhyaḥ phaṭ | sarva-
śramaṇebhyaḥ phaṭ sarva-tīrthikebhyaḥ phaṭ sarva-
unmādakebhyaḥ phaṭ | sarva-vidyā-rāja-ācāryebhyaḥ
phaṭ jaya-kara-madhu-kara-sarva-ārtha-
sādhakebhyaḥ phaṭ | vidya-ācāryebhyaḥ phaṭ catur-
bhaginībhyaḥ phaṭ vajra-kaumārī-vidyā-rājebhyaḥ
phaṭ | mahā-praty-aṅgirebhyaḥ phaṭ vajra-
saṃkalāya praty-aṅgira-rājāya phaṭ | mahā-kālāya
mahā-mātr̥-gaṇa-namas-kṛtāya phaṭ viṣṇave phaṭ
brāhmaṇiye phaṭ agniye phaṭ | mahā-kāliye phaṭ
kāla-daṇḍiye phaṭ māt̥re phaṭ raudriye phaṭ
cāmuṇḍiye phaṭ kālā-rātriye phaṭ kāpāliye phaṭ

adhi-muktaka-śmaśāna-vāsiniye phaṭ | ye ke cittās
sattvāsya mama imān mama-asya ||

|| duṣṭa-cittā amitrī-cittā | oja-āhārā garbha-
āhārā rudhira-āhārā vasa-āhārā majja-āhārā jāta-
āhārā jīvita-āhārā mālyā-āhārā gandha-āhārāḥ
puṣpa-āhārāḥ phala-āhārās sasya-āhārāḥ | pāpa-
cittā duṣṭa-cittā raudra-cittā | yakṣa-grahā
rākṣasa-grahāḥ preta-grahāḥ piśāca-grahā bhūta-
grahāḥ kumbhāṇḍa-grahās skanda-grahā unmāda-
grahās chāyā-grahā apa-smāra-grahā ḍāka-ḍākinī-
grahā revatī-grahā jāmika-grahās śakunī-grahā
raudrā-mātr̥-nāndika-grahā ālambā-grahā ghatnu-
kaṅṭhapaṇinī-grahāḥ | jvarā ekāhikā dvaitīyakās
traitīyakās cāturthakā nitya-jvarā viṣama-jvarā
vātikāḥ paittikās ślaiṣmikās sām-nipātikās sarva-
jvarās śiro'rtīr vārddha-bādha-arocakā | akṣi-
rogaṃ mukha-rogaṃ hṛd-rogaṃ gala-grahaṃ karṇa-
śūlaṃ danta-śūlaṃ hṛdaya-śūlaṃ marman-śūlaṃ
pārśva-śūlaṃ pṛṣṭha-śūlaṃ udara-śūlaṃ kaṭi-śūlaṃ
vasti-śūlaṃ ūru-śūlaṃ nakha-śūlaṃ hasta-śūlaṃ
pāda-śūlaṃ sarva-aṅga-pratyaṅga-śūlaṃ | bhūta-
vetāḍa-ḍākinī-jvarā dadrukāḥ kaṅḍūḥ kiṭibhā lūtā
vaisarpā loha-liṅgāḥ | śastra-saṃ-gara viṣa-yoga
agne udaka māra vaira kāntāra akāla-mṛtyo | try-
ambuka trai-lāṭa vṛscika sarpa nakula siṃha

vyāghra ṛkṣa tarakṣa mārā jīvīs teṣāṃ sarveṣāṃ |
sita-ātapatra-mahā-vajra-uṣṇīṣaṃ mahā-praty-
aṅgiraṃ | yāvad-dvādaśa-yojana-abhy-antareṇa
sīmā-bandhaṃ karomi vidyā-bandhaṃ karomi tejo-
bandhaṃ karomi para-vidyā-bandhaṃ karomi |
tadyathā oṃ anale viśade vīra-vajra-dhare bandha
bandhani vajra-pāṇiḥ phaṭ hūṃ trūṃ phaṭ svāhā ||

"Này Khánh Hỷ! Tất cả chư Phật mười phương đều sanh ra từ chương cú vi diệu bí mật của Đại Bạch Tản Cái Thần Chú được tuyên thuyết bởi Đức Phật vọt ra từ ánh sáng ở trên đỉnh đầu của Như Lai.

Nhân bởi thần chú của tâm này nên mười phương Như Lai được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Do mười phương Như Lai chấp trì thần chú của tâm này nên có thể hàng dẹp chúng ma và chế phục ngoại đạo.

Do mười phương Như Lai nhờ vào thần chú của tâm này nên có thể ngồi trên tòa hoa sen báu và ứng thân đến khắp cõi nước nhiều như vi trần.

Do mười phương Như Lai gìn giữ thần chú của tâm này nên có thể chuyển đại Pháp luân ở trong cõi nước nhiều như vi trần.

Do mười phương Như Lai thọ trì thần chú của tâm này nên có thể xoa đánh thọ ký cho các chúng sanh trong các thế giới khắp mười phương. Những chúng sanh chưa thành tựu quả vị ở các thế giới trong mười

phương thì cũng nhờ ơn của chư Phật mà được thọ ký.

Do mười phương Như Lai nương vào thần chú của tâm này nên có thể cứu tế chúng sanh khổ ách ở các thế giới trong mười phương, gồm có: địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh, mù điếc câm ngọng, nỗi khổ của oán ghét gặp nhau, nỗi khổ của yêu thương chia lìa, nỗi khổ của mong cầu không được, nỗi khổ của năm uẩn cháy phừng, và những việc xui xẻo hoặc lớn hay nhỏ. Đồng thời chư Phật cũng giải thoát chúng sanh ra khỏi giặc cướp, đao binh, nạn vua, ngục tù, gió bão, lũ lụt, hỏa hoạn, và đói khát bần cùng. Chư Thế Tôn chỉ ứng tâm niệm chú thì tất cả những việc không may đều tiêu tan.

Do mười phương Như Lai thưở xưa đã tùy thuận thần chú của tâm này nên có thể ở trong bốn uy nghi mà phụng sự các vị Thiện Tri Thức, cúng dường như ý, và được chọn làm những vị đại Pháp Vương Tử ở trong Pháp hội của Như Lai nhiều như cát sông Hằng.

Do mười phương Như Lai thực hành thần chú của tâm này nên có thể nhiếp thọ các chúng sanh hữu duyên và có thể làm cho những ai tu hành Nhị Thừa chẳng sanh kinh sợ khi nghe về tạng bí mật.

Do mười phương Như Lai đã tụng niệm thần chú của tâm này nên được thành vô thượng giác, ngồi dưới cội Đạo thụ, và vào đại tịch diệt.

Do mười phương Như Lai truyền dạy thần chú của tâm này nên có thể phó chúc Phật sự sau khi diệt độ, làm cho giáo Pháp trụ thế dài lâu, và những ai nghiêm trì giới luật tất sẽ được thanh tịnh.

Nếu từ sáng đến tối chẳng gián đoạn và cũng không lặp lại văn từ, Ta liên tục nói về công đức của Đại Bạch Tản Cái Thần Chú được tuyên thuyết bởi Đức Phật vọt ra từ ánh sáng ở trên đỉnh đầu của Như Lai, thì cho dù trải qua số kiếp nhiều như cát sông Hằng cũng chẳng thể cùng tận.

Mật chú này cũng gọi là Thần Chú Được Tuyên Thuyết Từ Trên Đỉnh Đầu của Như Lai.

Hàng Hữu Học các ông vẫn chưa dứt sạch luân hồi. Tuy các ông đã phát tâm chí thành để trở thành bậc Ứng Chân, nhưng nếu không trì chú này mà ngồi Đạo Tràng và muốn thân tâm của mình lìa khỏi những việc của ma, thì thật không có việc ấy.

Này Khánh Hỷ! Nếu có chúng sanh ở bất kỳ quốc gia nào trên thế giới mà có thể dùng vỏ cây hoa, lá cây cọ, giấy trắng, hay bạch điệp mà biên chép thần chú này, rồi lưu giữ trong túi thơm. Cho dù tâm trí của ai ám độn đi nữa và chưa có thể tụng niệm hay học thuộc thần chú, nhưng nếu mang túi thơm bên mình hoặc cất giữ ở trong nhà, thì phải biết suốt cuộc đời của người ấy sẽ không bị bất cứ loại độc nào mà có thể gây hại.

Này Khánh Hỷ! Ta nay sẽ nói thêm cho ông biết về việc làm sao thần chú này có thể cứu hộ thế gian, giúp chúng sanh thoát khỏi sợ hãi kinh hoàng, và thành tựu trí tuệ xuất thế gian.

Sau khi Ta diệt độ, nếu có chúng sanh nào ở vào thời Mạt Pháp mà có thể tự mình tụng niệm hoặc dạy bảo người khác tụng niệm thần chú

này, thì phải biết những chúng sanh tụng trì thần chú như thế: lửa chẳng thể đốt họ, nước chẳng thể chìm họ, và dù là thuốc độc mạnh hay nhẹ thì cũng không thể tổn hại họ, và như vậy cho đến tất cả chú thuật tà ác của trời rồng quỷ thần hay yêu tinh quỷ quái thì cũng đều chẳng thể khống chế họ. Khi tâm họ đã đắc chánh định, mọi tổ chất chế tạo từ chú thuật, bùa ngải trừ ếm, thuốc độc trộn với vàng hay bạc, thảo mộc trùng xà, hay vạn vật độc khí, một khi những thứ ấy vào miệng của người đó thì đều sẽ thành vị cam lộ. Tất cả yêu tinh ác độc và chúng quỷ thần oán tâm hại người đều chẳng thể khởi lòng ác. Chướng ngại thần, các vị quỷ vương từng làm ác, và hàng quyến thuộc của họ, do đều thọ ân sâu của Phật đã hóa độ nên sẽ luôn thủ hộ người trì chú.

Này Khánh Hỷ! Phải biết thần chú này luôn được 84.000 nayuta Hằng Hà sa ức chư Bồ-tát ở trong chủng tộc của Kim Cang Tạng Vương hộ trì. Mỗi vị đều có hàng kim Cang chúng làm quyến thuộc và ngày đêm họ luôn đi theo để bảo vệ người trì chú. Cho dù có chúng sanh nào với tâm tán loạn và thiếu chánh định đi nữa nhưng nếu tâm họ nhớ nghĩ và miệng đọc chú, thì các vị Bồ-tát ở trong chủng tộc của Kim Cang Tạng Vương cũng luôn đi theo hộ vệ. Hà huống là các thiện nam tử đã phát khởi Đạo tâm kiên định.

Lại nữa, các vị Bồ-tát ở trong chủng tộc của Kim Cang Tạng Vương sẽ âm thầm chú tâm phát khởi thần thức của người trì chú. Bấy giờ tâm của người ấy sẽ có thể nhớ lại rõ ràng mọi việc ở trong 84.000 Hằng Hà sa kiếp mà chẳng hề nhầm lẫn. Từ đó về sau cho đến thân cuối cùng, đời đời họ sẽ không sanh làm quỷ tiệp tặc, quỷ bạo ác, quỷ xú uế, quỷ cực xú uế, quỷ úng hình, quỷ hút tinh khí, hay quỷ đói, hoặc

những loài chúng sanh xấu ác có hình, vô hình, có tướng, hay vô tướng.

Các thiện nam tử nào đọc tụng hay biên chép thần chú, mang thần chú theo bên mình, hoặc an trí thần chú ở nơi thích hợp để làm những sự cúng dường, thì từ kiếp này đến kiếp khác, họ không sanh ở gia đình bần cùng hạ tiện hay ở nơi chẳng an vui. Giả sử các chúng sanh này không đích thân làm những việc phước đức, mười phương Như Lai cũng sẽ chuyển công đức của mình cho người ấy. Do vậy nên trải qua số kiếp nhiều như cát sông Hằng, vô số kiếp, bất khả thuyết, bất khả thuyết, họ sẽ thường sanh cùng một nơi với chư Phật. Vô lượng công đức của họ sẽ dày khít như chùm quả côm lá hẹp. Họ sẽ ở cùng một nơi để huân tu Pháp lành và vĩnh viễn không rời xa chư Phật.

Lại nữa, thần chú này có thể làm cho những người phá giới được phục hồi giới căn thanh tịnh, những ai chưa thọ giới sẽ được thọ giới, những ai chưa tinh tấn sẽ khiến họ tinh tấn, những ai vô trí tuệ sẽ được trí tuệ, những ai không thanh tịnh sẽ mau được thanh tịnh, và những ai chưa ăn chay trì giới thì sẽ tự mình thành tựu trai giới.

Này Khánh Hỷ! Giả sử thiện nam tử đó đã phạm giới cấm trước khi thọ trì thần chú. Sau khi trì chú, những tội phá giới của họ, chẳng kể là nặng hay nhẹ, sẽ đồng thời tiêu diệt. Giả sử những người ấy có thể đã uống rượu, ăn năm loại thực vật hôi nồng, hoặc dùng đủ mọi thức ăn bất tịnh, nhưng hết thảy chư Phật, chư Bồ-tát, kim cang thần, thiên chúng, tiên nhân, và quỷ thần sẽ không xem đó là lỗi lầm. Hoặc giả sử những người ấy mặc quần áo rách nát đi nữa, nhưng mọi việc làm của họ đều vẫn thanh tịnh. Cho dù họ không kiến lập Pháp đàn, không vào

Đạo Tràng, và cũng không hành Đạo đi nữa, nhưng nếu họ tụng trì chú này thì công đức cũng giống như đã vào đàn tràng để hành Đạo-- không chút sai khác. Hoặc giả sử những người ấy đã tạo năm trọng tội ngỗ nghịch và lẽ ra phải đọa Địa ngục Vô Gian, hoặc họ là những Bhikṣu phạm bốn giới nghiêm trọng đáng bị trục xuất, hoặc họ là những Bhikṣuṇī phạm tám giới nghiêm trọng đáng bị trục xuất, nhưng một khi tụng chú này xong, các nghiệp trọng như thế thảy đều tiêu diệt đến sợi lông tơ cũng chẳng còn, tựa như cơn gió lốc thổi tan bãi cát.

Này Khánh Hỷ! Giả sử có những chúng sanh ở đời hiện tại hay ở đời trước mà chưa từng sám hối tất cả tội chướng nặng nhẹ đã tạo từ vô lượng vô số kiếp cho đến nay, nhưng nếu họ có thể đọc tụng, biên chép, mang thần chú theo bên mình, hoặc an trí thần chú ở nơi cư trú-- trong nhà, khu vườn, hay quán trọ, thì những nghiệp tội tích tập của họ sẽ tan rã như tuyết bị nấu chảy. Không lâu sau đó, họ đều sẽ chứng đắc Vô Sanh Nhân.

Lại nữa Khánh Hỷ! Giả sử có người nữ nào không con và cầu mong con cái, nếu họ có thể chí tâm tụng thuộc lòng thần chú hoặc có thể mang Đại Bạch Tản Cái Thần Chú này ở bên mình, thì sẽ sanh con cái với phước đức trí tuệ. Hoặc những ai mong sống lâu thì sẽ được sống lâu. Hoặc những ai mong kết quả mỹ mãn thì sẽ mau được viên mãn, cho đến thân mạng và sắc lực thì cũng lại như vậy. Sau khi mạng chung, họ sẽ tùy theo ước nguyện mà vãng sanh về các quốc độ trong mười phương và nhất định sẽ không sanh ở chốn biên địa hạ tiện. Hà huống là sanh vào hàng tạp loại chúng sanh.

Này Khánh Hỷ! Giả sử ở bất kỳ nơi đâu, hoặc ở xóm làng, tỉnh huyện, hay trong quốc gia nào mà gặp nạn đói kém, bệnh dịch, đao binh, giặc cướp, đấu tranh, cùng đủ mọi ách nạn khác xảy ra, thì hãy biên chép thần chú này và an trí ở bốn cổng thành, các ngôi tháp, hoặc treo lên cờ xí. Hãy chỉ dạy tất cả dân chúng ở trong quốc gia đó phải nghênh tiếp, cung kính lễ bái, và nhất tâm cúng dường thần chú này. Hãy chỉ dạy mỗi công dân ở đó nên mang theo thần chú bên mình hoặc an trí trong nhà. Như thế mọi tai ách tất đều sẽ tiêu diệt.

Này Khánh Hỷ! Trong quốc gia nào hoặc ở bất kỳ nơi đâu mà có chúng sanh tùy thuận chú này, trời rồng sẽ hoan hỷ, mưa gió thuận hòa, ngũ cốc chín rộ, và muôn dân an lạc. Thần chú này cũng lại có thể ngăn chặn tất cả tai chướng được thấy qua sự biến đổi quái dị xấu ác của tinh tú ở mỗi phương xứ. Dân chúng sẽ không bị chết yểu, chẳng bị gông cùm xiềng xích trói buộc nơi thân, ngày đêm ngủ nghỉ an lành, và không hề gặp ác mộng.

Này Khánh Hỷ! Ở Thế giới Kham Nhẫn có 84.000 tinh tú báo hiệu cho tai biến xấu. Trong số đó có 28 đại tinh tú là báo hiệu cho điềm xấu nhất. Và trong đó lại có tám đại tinh tú là báo hiệu cho điềm xấu cực kỳ. Chúng hiện ra đủ mọi hình thù, và có thể phát sanh đủ mọi tai ương khác lạ khi xuất hiện ở thế gian. Tuy nhiên, nếu ở chốn nào có thần chú này thì trong vòng 12 yojana sẽ trở thành chỗ kết giới, mọi tai ương điềm xấu thảy đều diệt trừ và vĩnh viễn không thể lọt vào.

Cho nên Như Lai đã tuyên thuyết thần chú này là để bảo hộ những hành giả mới tu học ở vào đời vị lai, hầu giúp họ vào chánh định, thân tâm an nhiên, và được an ổn tự tại. Lại nữa, họ sẽ không bị tất cả

chúng ma quỷ thần cùng oán thù tai ương ở đời trước và nghiệp vay nợ thuở xưa từ vô thủy đến nỗi hại.

Giả sử ông và các vị Hữu Học cùng những hành giả ở vào đời vị lai y theo cách kiến lập đàn tràng mà Ta đã dạy và trì giới đúng như giáo Pháp, lại được thọ giới từ vị Tăng thanh tịnh, và cũng trì chú này với lòng không sanh nghi ngờ hay hối tiếc, nếu như thiện nam tử này ở ngay tại thân do cha mẹ sanh ra mà tâm chẳng thông đạt, thì tức là mười phương Như Lai đã vọng ngữ.

Khi nói lời ấy xong, vô lượng trăm ngàn kim cương thần ở trong chúng hội đồng một lúc chấp tay và đánh lễ ở trước Phật, rồi thưa với Phật rằng:

"Tùy thuận như lời dạy của Phật, chúng con sẽ thành tâm bảo hộ những vị tu Đạo như thế."

Lúc bấy giờ Phạm Vương, Năng Thiên Đế, và Tứ Đại Thiên Vương cũng đồng một lúc đánh lễ ở trước Phật, rồi thưa với Phật rằng:

"Nếu có những người thiện nào tu học như thế, chúng con sẽ tận tâm chí thành bảo hộ và khiến cho việc làm của họ ở trong đời hiện tại sẽ như ước nguyện."

Lại có vô lượng đại tướng tiệp tậ, chúa quỷ bạo ác, chúa quỷ úng hình, chúa quỷ hút tinh khí, chướng ngại thần, và các đại quỷ vương

khác cũng chấp tay và đánh lễ ở trước Phật, rồi thưa rằng:

"Chúng con cũng phát thệ nguyện để hộ trì những người ấy và làm cho Đạo tâm của họ mau được viên mãn."

Lại có vô lượng Nhật Thiên Tử, Nguyệt Thiên Tử, phong thiên, vũ thiên, vân thiên, lôi thiên, điện thiên, và những vị khác như thế, cùng với những vị quan trời niên tuế tuần tra và hàng quyến thuộc cũng ở trong Pháp hội, họ đánh lễ với trán chạm sát chân của Phật, rồi thưa với Phật rằng:

"Chúng con cũng sẽ bảo hộ những người tu hành này, làm cho Đạo Tràn bình an và họ sẽ không phải sợ bất cứ điều gì."

Lại có vô lượng thần núi, thần biển, muôn chúng thần linh của vạn vật đi trên đất, bơi trong nước, hay bay giữa trời, cùng với chúa thần của gió và các vị trời từ cõi vô sắc, cũng đồng một lúc cúi đầu ở trước Như Lai, rồi thưa với Phật rằng:

"Chúng con cũng sẽ bảo hộ các vị tu hành này để họ vĩnh viễn không có những việc ma và mau được thành Đạo."

Bấy giờ 84.000 nayuta Hằng Hà sa ức chư Bồ-tát ở trong chủng tộc của Kim Cang Tạng Vương đang ở giữa đại hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ với trán chạm sát chân của Phật, rồi thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Tương tự như các vị khác tu hành công đức, từ lâu chúng con đã giác ngộ nhưng lại không chọn vào tịch diệt. Trái lại,

chúng con luôn đi theo để cứu hộ những ai chân chánh tu hành môn chánh định của thần chú này ở vào thời Mạt Pháp.

Thưa Thế Tôn! Những ai tu tâm để cầu chánh định như thế, hoặc họ ở tại Đạo Tràng, hoặc đang đi trên đường, và cho đến tâm tán loạn khi dạo qua xóm làng, thì quyến thuộc chúng con cũng sẽ luôn tùy tùng để bảo vệ người ấy. Cho dù ma vương ở trời Tha Hóa Tự Tại thường mãi tìm cách để trục lợi từ họ thì vĩnh viễn không thể được. Trong vòng mười yojana, hàng tiểu quỷ thần không thể đến gần những người thiện này--duy trừ họ đã phát khởi Đạo tâm và vui thích tu thiền định.

Thưa Thế Tôn! Nếu những ác ma như thế hoặc hàng quyến thuộc của ma mà muốn đến xâm hại hay quấy nhiễu người hiền lương này, chúng con sẽ vung chày búa đập nát đầu của chúng ra thành như các hạt vi trần. Chúng con cũng luôn giúp mọi việc làm của người ấy sẽ như ước nguyện."

Lúc ấy ngài Khánh Hỷ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ với trán chạm sát chân của Phật, rồi bạch Phật rằng:

"Chúng con ngu độn, chỉ thích đa văn, và vẫn ở trong các tâm hữu lậu mà chẳng mong ra khỏi. Nhờ lời dạy từ bi của Phật nên chúng con mới tu hành chân chánh, thân tâm an nhiên, và được lợi ích lớn lao.

Bạch Thế Tôn! Giả sử có người tu chứng chánh định của Phật như thế nhưng vẫn chưa đạt đến tịch diệt. Sao gọi là giai đoạn của trí tuệ khô?

44 giai đoạn mà tâm lần lượt trải qua để đạt đến mục đích tu hành là những gì? Ở giai đoạn nào thì gọi là vào trong Mười Địa? Sao gọi là Bồ-tát ở giai đoạn Đẳng Giác?"

Khi nói lời ấy xong, ngài cúi đầu đánh lễ sát đất. Đại chúng cũng nhất tâm chờ đợi âm thanh từ bi của Phật và chiêm ngưỡng không nháy mắt.

Lúc bấy giờ Thế Tôn ngợi khen ngài Khánh Hỷ rằng:

"Lành thay, lành thay! Các ông đã có thể rộng vì đại chúng cùng tất cả chúng sanh ở vào thời Mạt Pháp, là những vị tu chánh định và cầu Pháp Đại Thừa, mà hỏi Ta chỉ ra con đường tu hành chân chánh vô thượng để dẫn họ từ giai đoạn phàm phu cho đến vào đại tịch diệt sau cùng. Ông nay hãy lắng nghe! Ta sẽ thuyết giảng cho ông."

Tôn giả Khánh Hỷ cùng đại chúng chấp tay với tâm khai mở và yên lặng chờ đợi giáo huấn.

Đức Phật bảo:

"Này Khánh Hỷ! Phải biết rằng diệu tánh viên minh là mọi danh tướng và nó vốn không có thể giới hay chúng sanh. Nhân bởi hư vọng mà có sanh khởi và nhân bởi sanh khởi mà có diệt mất. Sanh diệt là hư vọng. Một khi hư vọng diệt trừ thì đó là chân thật. Sự xoay chuyển để trở về bất nhị này gọi là tuệ giác vô thượng của Như Lai, là đại tịch diệt."

Này Khánh Hỷ! Ông nay muốn tu hành chánh định chân chánh để

thẳng đến đại tịch diệt của Như Lai, thì trước tiên phải hiểu nhân của hai loại điên đảo: đó là chúng sanh và thế giới. Khi điên đảo không sanh thì chánh định chân thật của Như Lai sẽ hiện ra.

Này Khánh Hỷ! Sao gọi là điên đảo về chúng sanh?

Này Khánh Hỷ! Do vì giác tánh của chân tâm là sự hiểu biết viên minh và nhân bởi sự hiểu biết này phát sanh một tánh khác, rồi từ tánh đó sanh ra một vọng kiến. Do vậy từ trong bốn giác hoàn toàn chẳng có gì mà cứu cánh thành có gì. Mọi thứ từ cái có này đều không dựa ở bất cứ nhân nào. Chỗ nương trụ và tướng trụ của nó hoàn toàn vốn chẳng có căn gốc. Mặc dù chỗ trụ của nó vốn không có căn gốc, nhưng thế giới và các chúng sanh lại được kiến lập.

Sự mê muội về bốn giác viên minh là sanh bởi hư vọng. Tánh của hư vọng này chẳng có tự thể và nó không có chỗ y tựa. Giả sử như muốn trở về tánh chân, nhưng cái muốn cho sự chân thật đó đã chẳng phải là chân thật rồi. Tánh của Chân Như không phải là một chân thật mà có thể mong cầu để trở về. Khi uyển chuyển như thế sẽ trở thành phi tướng, rồi phi sanh, phi trụ, phi tâm, và phi pháp sẽ triển chuyển phát sanh. Từ năng lực của sanh phát khởi hiểu biết. Khi huân tập sẽ trở thành nghiệp. Nghiệp tương đồng sẽ thu hút với nhau. Nhân bởi có nghiệp cảm nên tương sanh tương diệt. Bởi vậy mới có điên đảo về chúng sanh.

Này Khánh Hỷ! Sao gọi là điên đảo về thế giới?

Do từ cái có mà hư vọng sanh khởi phần này đoạn kia. Nhân đó mà

ranh giới thành lập. Nó không dựa vào nhân nào hoặc làm nhân dựa cho thứ gì, không trụ hoặc có chỗ nào của trụ, và chỉ có đối đời không ngừng. Nhân đó mà thế giới thành lập. Do ba đời và bốn phương của thế giới hòa hợp tương giao nên chúng sanh biến hóa và trở thành một trong 12 thể loại.

Cho nên thế giới nhân bởi dao động mà có âm thanh. Nhân bởi âm thanh mà có hình sắc. Nhân bởi hình sắc mà có mùi hương. Nhân bởi mùi hương mà có xúc chạm. Nhân bởi xúc chạm mà có vị nếm. Nhân bởi vị nếm mà biết pháp trần. Do vì sáu loại vọng tưởng rồi ren này nên hình thành nghiệp tánh và 12 thể loại chúng sanh phải chịu luân chuyển.

Do vì có sắc thanh hương vị xúc pháp ở thế gian nên chúng sanh tiếp nối sanh ra ở trong 12 thể loại và kết thành một vòng tròn. Do bởi cưỡi ở trên tướng điên đảo của luân chuyển này nên thế giới mới có chúng sanh sanh ra từ trứng, sanh ra từ bào thai, sanh ra từ ẩm ướt, hoặc sanh ra từ biến hóa. Có chúng sanh có sắc, vô sắc, có tướng, vô tướng, chẳng phải có sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hoàn toàn có tướng, hay chẳng phải hoàn toàn vô tướng.

[¹] Nay Khánh Hỷ! Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do hư vọng nên sanh khởi điên đảo từ dao động và nó hòa hợp với tinh khí để tạo thành 84.000 loài loạn tướng để bay hoặc bơi. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh sanh ra từ trứng. Đó là cá, rùa, hay rắn và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[2] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do tạp nhiễm nên sanh khởi điên đảo từ ái dục và nó hòa hợp với chất sinh sản để tạo thành 84.000 loài loạn tướng để đứng thẳng hoặc đứng ngang. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh sanh ra từ bào thai. Đó là con người, thú vật, rồng hay tiên và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[3] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do chấp trước nên sanh khởi điên đảo từ thú hưởng và nó hòa hợp với ấm áp để tạo thành 84.000 loài loạn tướng để di chuyển mau lẹ. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh sanh ra từ ấm ướt. Đó là những loài sâu bọ và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[4] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do biến đổi nên sanh khởi điên đảo từ giả mượn và nó hòa hợp với xúc chạm để tạo thành 84.000 loài loạn tướng để thay mới bỏ cũ. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh sanh ra từ biến hóa. Đó là những loài lột xác bay hoặc bò và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[5] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do ngăn ngại nên sanh khởi điên đảo từ chướng ngại và nó hòa hợp với chấp trước hiển thị để tạo thành 84.000 loài loạn tướng để sáng chói. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh có sắc. Đó là những loài phát quang cho điềm tốt hay xấu và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[6] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do tiêu tán nên sanh khởi điên đảo từ nghi ngờ và nó hòa hợp với u ám để tạo thành 84.000 loài loạn tướng để ẩn tàng. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh vô sắc. Đó là chúng sanh ở Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, hoặc Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[7] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do ảnh tượng giả tạo nên sanh khởi điên đảo từ bóng hình và nó hòa hợp với ký ức để tạo thành 84.000 loài loạn tướng để giấu kín. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh có tướng. Đó là quỷ thần yêu tinh ma quái và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[8] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do ám độn nên sanh khởi điên đảo từ si mê và nó hòa hợp với ngu đần để tạo thành 84.000 loài loạn tướng để khô héo. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh vô tướng. Tinh thần của chúng hóa thành đất, gỗ, kim loại, hay đá và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[9] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do phụ thuộc lẫn nhau nên sanh khởi điên đảo từ hư ngụy và nó hòa hợp với nhiễm ô để tạo thành 84.000 loài loạn tướng để cộng sinh. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh chẳng phải có sắc. Chúng bao gồm nhiều loài khác nhau, như là hải quỳ phải nương con tôm để thấy và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[10] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do giao tiếp nên sanh khởi điên đảo từ bốn tánh và nó hòa hợp với chú thuật để tạo

thành 84.000 loài loạn tướng để bị hô triệu. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh chẳng phải vô sắc. Đó là những chúng sanh bị chú thuật trừ ếm và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[11] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do hư vọng hợp hội nên sanh khởi điên đảo từ giả dối và nó hòa hợp với dị biệt để tạo thành 84.000 loài loạn tướng để thay thế. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh chẳng phải hoàn toàn có tướng. Đó là giống ong thắt lưng nhỏ, hoặc những loài phát triển thân mình ở các loài khác, và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[12] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do oán hại nên sanh khởi điên đảo từ giết hại và nó hòa hợp với quái ác để tạo thành 84.000 loài loạn tướng để ăn thịt cha mẹ. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh chẳng phải hoàn toàn vô tướng. Đó là những loài như: con kiêu bám đất sanh con, chim phá kính để trứng trong quả của cây độc để giữ con của nó. Khi con của chúng to lớn, nó lại ăn thịt cha mẹ mình, và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

Đây là 12 thể loại chúng sanh."

Kinh Đại Phật Đảnh Cứu Cánh Kiên Cố
và Mật Nhân của Như Lai về Chư Bồ-tát
Vạn Hạnh để Tu Chứng Liễu Nghĩa ♦
Hết quyển 7

Dịch từ Phạn văn: Pháp sư Cự Lượng ở Thế Kỷ 7-8

Dịch sang Tiếng Việt: Tại gia Bồ-tát giới Thanh tín nam Nguyên Thuận

Dịch nghĩa: 5/8/2016 ◊ Cập nhật: 12/3/2017

✿ Cách Đọc Chữ Phạn

Mātaṅga: ma tân gà

Bhikṣu: bíc su

Bhikṣuṇī: bíc su ni

nayuta: na du ta

yojana: dô cha na